

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-7-2020.

“V/v chị D xin ly hôn với anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thề.

2. Ông Hoàng Vũ Lực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thùy D, sinh năm 1995.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1990.

Đều cư trú tại: Thôn P, xã Tân K, huyện V, tỉnh Nam Định.

NỘI D V U Á N:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12-02-2020; bản tự khai ngày 20-02-2020 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thùy D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn H tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 14-9-2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, anh H đi làm ăn tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, thường xuyên cuối tuần hoặc cuối tháng thì anh H về nhà với bố mẹ và vợ con. Anh H đi làm mà không hề gửi tiền về cho chị nuôi con. Vì thế đến năm 2017, chị

quyết định lên Lào Cai cùng chồng, một phần là để vợ chồng gần nhau, một phần là muốn quản lý anh H về mặt tài sản và giúp đỡ anh H về công việc. Lên Lào Cai chung sống cùng với anh H được vài tháng thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị phát hiện anh H mắc nghiện ma túy, thường xuyên chơi Heroin và ma túy đá; anh H không tu chí làm ăn mà còn thường xuyên hút hít và vài lần đánh đập chị, buộc chị phải bỏ về quê để ở. Chị đã nhiều lần khuyên anh H từ bỏ ma túy làm lại từ đầu nhưng anh H vẫn chứng nào tật đấy, không từ bỏ được ma túy vv...Chị và anh H sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn H.

- Về nuôi con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Đặng Hoàng A, sinh ngày 19-3-2015. Ly hôn, chị xin nhận nuôi cháu Hoàng A và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh H tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Đặng Văn H đến để làm việc và tham gia phiên hoà giải nhưng anh H cố tình vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc; không tham gia phiên hoà giải đồng thời không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì cho Tòa án.

* Tại biên bản lấy lời khai ông Đặng Văn T (Là bố đẻ của anh Đặng Văn H) thể hiện: Anh H hiện nay đang sống chung cùng với vợ chồng ông ở thôn P, xã T nhưng đi làm ăn xa. Địa chỉ làm việc của anh H gia đình không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án thì ông đã thông báo lại cho anh H được biết. Anh H đã biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết việc chị D xin ly hôn với anh nhưng không hiểu vì lý do tại sao anh lại không đến Tòa án làm việc.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 24-4-2020, Ủy ban nhân dân xã T cung cấp: Anh Đặng Văn H và chị Hoàng Thùy D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn với nhau thì anh H và chị D sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của anh H ở thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Anh H hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T và không cắt, chuyển hộ khẩu đi đâu cũng không đăng ký tạm trú ở đâu. Anh H đi làm thuê ở Lào Cai nhưng vẫn thường xuyên đi về gia đình và có mặt tại địa phương.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chị D, anh H chủ yếu là do anh H mắc tệ nạn xã hội, hút chích ma túy. Nay chị D có đơn xin ly hôn với anh H đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Về nuôi con chung: Anh H và chị D có 01 con chung là cháu Đặng Hoàng A, sinh ngày 19-3-2015. Hiện nay, cháu Hoàng A đang ở cùng với chị D, vì vậy đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu Hoàng A cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật và bảo đảm được quyền, lợi ích của cháu.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về các yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thùy D; cụ thể.

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Hoàng Thùy D và anh Đặng Văn H.

- + Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Hoàng A, sinh ngày 19-3-2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

- + Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- + Về án phí ly hôn: Buộc chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Xét thấy từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, anh Đặng Văn H là bị đơn trong vụ án vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và không đăng ký tạm trú ở đâu. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự chị D xin ly hôn với anh H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Đặng Văn H đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn là chị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ

án vắng mặt của chị D và anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Hoàng Thùy D và anh Đặng Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 14-9-2014 và đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân của chị D và anh H đã thỏa mãn các điều kiện về kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng chị D, anh H chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H sa ngã vào tệ nạn xã hội và bị nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, căng thẳng. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh H. Về phía anh H mặc dù đã biết Tòa án thụ lý, giải quyết việc chị D xin ly hôn với anh nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ anh H có thái độ bỏ mặc, không có ý định níu kéo và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, chị D và anh H đang sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau nữa. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị D được ly hôn anh H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về nuôi con chung: Chị D và anh H có 01 con chung là cháu Đặng Hoàng A, sinh ngày 19-3-2015. Xét thấy từ khi vợ chồng chị D, anh H sống ly thân với nhau thì cháu Hoàng A ở cùng với chị D và được chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cho chị D được quyền nuôi dưỡng cháu Hoàng A là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Chị D và anh H tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thùy D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thùy D và anh Đặng Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Hoàng A, sinh ngày 19-3-2015 cho chị Hoàng Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Đặng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh Đặng Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thùy D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001914 ngày 20-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Như vậy, chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiến

